TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN L.T** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2022/HNGĐ- ST
Ngày 27 tháng 7 năm 2022
V/v Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L.T, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Công Sinh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Trung Thành

2. Bà Trần Thị Kim Khuyên.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Trang - Thư ký Toà án nhân dân huyện L.T, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L.T tham gia phiên toà: Ông Phạm Quang Hảo - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L.T, tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 89/2022/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2022 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị L.T.V, sinh năm 1980 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn N.H, xã S.Đ, huyện L.T, tỉnh Vĩnh Phúc.

2,Bị đơn: Anh P.V.N, sinh năm 1978 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn N.H, xã S.Đ, huyện L.T, tỉnh Vĩnh Phúc.

Hiện đang chấp hành án tại đội 30, phân trại 3, trại giam Quyết Tiến, Bộ Công an.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 26/5/2022, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị L.T.Vtrình bày:

Chị kết hôn với anh P.V.N ngày 15/6/1999 có được tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã S.Đ, huyện L.T, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau ngày cưới chị V về làm dâu và chung sống cùng gia đình anh N, tình cảm vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2005 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh N không chăm chỉ làm ăn, không quan tâm đến gia đình, ham mê cờ bạc. Năm 2017

vợ chồng sống ly thân, năm 2019 anh N vi phạm pháp luật bị Tòa án xét xử hiện nay phải đi chấp hành án tại Trại giam Quyết Tiến, Bộ Công an. Đến nay chị V thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn anh P.V.N.

Về con chung: Chị V trình bày, vợ chồng có 02 con chung là P.T.P, sinh ngày 27/11/1999 và P.H.V, sinh ngày 18/6/2005. Hiện nay cháu Phương đã trưởng thành có gia đình riêng. Nếu được ly hôn chị V xin được nuôi cháu P.H.V và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

-Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp, đất canh tác: Chị V không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh P.V.N hiện nay đang phải chấp hành bản án tại Trại giam nên không thể đến tham gia phiên tòa được. Tại bản tự khai ngày 15/6/2022 anh P.V.N trình bày: Anh thừa nhận về điều kiện kết hôn, quá trình vợ chồng chung sống như chị V trình bày là đúng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không có tiếng nói chung, anh thường xuyên đi làm ăn xa, năm 2017 vợ chồng ly thân, ngày 03/5/2020 anh vi phạm pháp luật bị Tòa án nhân dân huyện S.D, tỉnh Tuyên Quang; Tòa án nhân dân huyện Đ.H, tỉnh Phú Thọ và Tòa án nhân dân huyện L.T, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử về tội Trộm cắp tài sản. Tổng hợp hình phạt anh phải chấp hành 03 bản án là 06 năm 06 tháng tù. Hiện nay anh đang phải chấp hành bản án tại đội 30, phân trại 3, Trại giam Quyết Tiến, Bộ Công an. Đến nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn chị V xin ly hôn anh hoàn toàn nhất trí.

Về con chung: Anh N thừa nhận vợ chồng có 02 con chung như chị V trình bày là đúng. Hiện nay cháu Phương đã trưởng thành có gia đình riêng. Nếu có việc ly hôn anh đồng ý để chị V được tiếp tục nuôi cháu P.H.V, chị V không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con anh hoàn toàn đồng ý.

-Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp, đất canh tác: Anh N không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L.T phát biểu quan điểm về tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành theo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng về quyền và nghĩa vụ. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Vượng. Về con chung đề nghị giao cho chị L.T.Vtrực tiếp nuôi cháu Việt, anh N không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng

góp, đất canh tác: Chị V, anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Chị L.T.Vkhởi kiện yêu cầu xin ly hôn đối với anh P.V.N, bị đơn có hộ khẩu thường trú tại xã S.Đ, huyện L.T, tỉnh Vĩnh Phúc. Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L.T theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Bị đơn anh P.V.N vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung vụ án: Cuộc hôn nhân giữa chị L.T.Vvà anh P.V.N là tự nguyện, có đăng ký kết hôn, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp, tiến bộ.

Về tình cảm: Sau kết hôn chị V và anh N có thời gian hòa thuận, hạnh phúc. Quá trình vợ chồng chung sống đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh N không chăm chỉ làm ăn, không quan tâm đến chị và gia đình, anh N thường xuyên đi làm ăn xa vắng nhà. Mâu thuẫn đỉnh điểm từ năm 2017 vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Năm 2020 anh N lại bị Tòa án xét xử hiện nay đang phải chấp hành bản án tại Trại giam, chị V cũng không thăm hỏi gì. Đến nay cả chị V và anh N cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị V xin ly hôn anh N đồng ý. Như vậy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được do đó yêu cầu xin ly hôn của chị V là có căn cứ, vì vậy cần áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình cho chị L.T.Vđược ly hôn anh P.V.N.

Về con chung: Xét đề nghị của chị V, anh N, Hội đồng xét xử thấy rằng: Cháu P.T.P, sinh ngày 27/11/1999 hiện nay đã trưởng thành có gia đình riêng. Cháu P.H.V, sinh ngày 18/6/2005, hiện nay đang ở cùng chị V, anh N lại đang phải chấp hành bản án tại Trại giam. Ly hôn chị V, anh N thống nhất để chị V trực tiếp, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Việt cho đến khi thành niên. Xét thỏa thuận của chị V, anh N là phù hợp với nguyện vọng của cháu Việt nên cần giao cho chị V tiếp tục nuôi con. Chị V không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, đất canh tác, công sức đóng góp: Chị V, anh N không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, được xem xét khi quyết định.

[5] Về án phí: Chị L.T.Vphải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho chị L.T.Vđược ly hôn anh P.V.N.

2. Về con chung: Giao cho chị L.T.Vtrực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu P.H.V, sinh ngày 18/6/2005 cho đến khi thành niên. Chị V không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, đất canh tác, công sức đóng góp: Chị V, anh N không đề nghị Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị L.T.Vphải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006285 ngày 27/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.T. Chị V đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án chị V có mặt có quyền kháng cáo bản án. Anh N vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện L.T;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.T;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã S.Đ (để vào sổ hộ tịch)
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Công Sinh

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Công Sinh

Xác minh tại Ủy ban nhân dân xã S.Đ, huyện L.T: Việc kết hôn giữa chị V và anh N được Ủy ban nhân dân xã S.Đ đăng ký kết hôn ngày 15/6/1999, sau ngày cưới chị V về làm dâu gia đình anh N, tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận. Nguyên nhân mâu thuẫn như thế nào địa phương không biết, chị V không ở địa phương gần 02 năm trở lại đây, về con chung của vợ chồng như chị V trình bày là đúng.